

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3606/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hương
- Ông Nguyễn Thành Vinh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyền – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 656/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5489/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 6205/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Nguyễn Phương Q, sinh năm: 1993

Địa chỉ: số nhà 290/56/13/7D đường N, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm: 1993

Địa chỉ: số nhà 11 Đường Y, Khu phố Z, phường HBC, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2022 và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Nguyễn Phương Q:

Bà và ông Nguyễn Trọng Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày

24/10/2019. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc do hai bên chưa suy nghĩ kỹ càng khi quyết định tiến tới hôn nhân. Vì bà mang thai trước khi thực hiện nghi thức cưới hỏi nên gia đình ông Q có định kiến xem thường bà và gia đình bà. Mậu thuận phát sinh vào tháng 4/2021 khi mẹ ông Q đòi lại số tiền ứng trước để đặt cọc nhà hàng tổ chức đám cưới, làm cho cha mẹ của bà bức xúc. Ông Q không xử lý hài hòa, trái lại còn tỏ thái độ vô lễ, có nhiều lời lẽ xúc phạm danh dự của gia đình bà nên vợ chồng xung đột căng thẳng. Bà nhiều lần trao đổi với ông Q để vợ chồng dàn xếp, giải quyết ổn thỏa mối quan hệ hai bên gia đình nhưng ông Q không lắng nghe, vì vậy bà đã quyết định cùng con tách ra sống riêng một thời gian, khi đi bà có thông báo và ông Q đồng ý. Tuy nhiên, tháng 3/2022 bà bị bệnh nên ông Q đã đưa con về nhà mẹ ruột của ông sống cho đến nay. Nay bà xác định không thể hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Nguyễn Trọng Q.

Con chung: Có một con chung tên Nguyễn Lê Bảo C (nam), sinh ngày 16/9/2019. Do hiện tại con đang sống với ông Q, được chăm sóc tốt và phía ông Q vẫn tạo điều kiện cho bà thăm nom, chăm sóc con nên bà đồng ý giao con cho ông Q nuôi dưỡng, bà không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Trọng Q đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Lê Nguyễn Phương Q giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Trọng Q. Về con chung, bà đồng ý giao con chung cho ông Q nuôi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Ông Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Nguyễn Phương Q được ly hôn ông Nguyễn Trọng Q. Giao con chung tên Nguyễn Lê Bảo C cho ông Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn”. Do bị đơn cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 24/10/2019 của Ủy ban nhân dân Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Nguyễn Phương Q và ông Nguyễn Trọng Q là hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông Q không còn khả năng hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Q tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông Q đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q, chứng tỏ ông Q không có thiện chí mong muốn đoàn tụ gia đình với bà Q. Do đó yêu cầu ly hôn của bà Q là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của nguyên đơn phù hợp với bản sao trích lục khai sinh số 445 ngày 24/10/2019 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đủ căn cứ xác định bà Q và ông Q có một con chung tên Nguyễn Lê Bảo C.

Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Mặc dù ông Q không đến Tòa và không có yêu cầu về việc nuôi con, tuy nhiên bà Q thừa nhận hiện tại con đang sống chung với ông Q, được chăm sóc tốt và ông Q tạo điều kiện cho bà được thăm nom, chăm sóc con. Để đảm bảo sự ổn định về điều kiện chỗ ở và học tập cho trẻ C và phù hợp với tình hình thực tế, cần giao con Nguyễn Lê Bảo C cho ông Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử công nhận.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Nguyên đơn xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Q phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; 83; 84; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Nguyễn Phương Q về việc “Ly hôn” đối với ông Nguyễn Trọng Q;

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Nguyễn Phương Q được ly hôn ông Nguyễn Trọng Q.

1.2. Con chung: Giao con Nguyễn Lê Bảo C (nam), sinh ngày 16/9/2019 cho ông Nguyễn Trọng Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Lê Nguyễn Phương Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 10/2022 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Bà Lê Nguyễn Phương Q được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

Trường hợp ông Nguyễn Trọng Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Nguyễn Phương Q không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Nguyễn Phương Q phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng bà Q đã nộp theo biên lai thu số 0026281 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Q còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn N ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn N ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Tp.T;
- CCTHADS Tp.T;
- Đường sự;
- UBND Phường N, quận P;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh